

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SÓI ĐEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SÓI ĐEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BLACK WOLF GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109326338

**3. Ngày thành lập:** 31/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 99A, Ngõ 99, Phố Trung Kính, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 032.646.2121

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                     | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ rập khuôn tem)                                                           | 1812     |
| 3.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                | 2610     |
| 4.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                 | 2620     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                            | 2630     |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                        | 2640     |
| 7.  | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                   | 2680     |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                | 3312     |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                    | 3314     |
| 10. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                   | 3320     |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa;<br>- Môi giới mua bán hàng hóa. | 4610     |
| 12. | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                     | 4634     |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                      | 4641     |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                       | 4651     |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                        | 4652     |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                           | 4659     |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                  | 4761     |
| 18. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                | 4762     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                 | 4789        |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                          | 4791        |
| 21. | Xuất bản phần mềm<br>(trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                         | 5820(Chính) |
| 22. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                            | 6201        |
| 23. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                              | 6202        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên<br>quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm                                                                              | 6209        |
| 25. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                                                                        | 6311        |
| 26. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                        | 6312        |
| 27. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn đầu tư;<br>- Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng<br>(loại trừ ủy thác, giám sát đầu tư tài chính, chứng khoán) | 6619        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 30. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                         | 7320        |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                   | 7410        |
| 32. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                    | 7721        |
| 33. | Cho thuê băng, đĩa video                                                                                                                                                                                                         | 7722        |
| 34. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi<br>giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới<br>lao động việc làm                                               | 7810        |
| 35. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                       | 7820        |
| 36. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                    | 7830        |
| 37. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                            | 8211        |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                        | 8230        |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                 | 8299        |
| 40. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                            | 9000        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

Thời gian đăng từ ngày 31/08/2020 đến ngày 30/09/2020

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐOÀN NGỌC LINH   | SN 45A ngõ 104 đường Nguyễn An Ninh, Q5 - Tổ 26, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    | 001081016739                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MINH LONG | Số 99A, Ngõ 99, Phố Trung Kính, Tổ 31, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông         | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    | 001089020812                                                                                |         |
|     |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               | Tổng số                   | 150.000    | 1.500.000.000         | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                               |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |            |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |
|---|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | ĐỖ VĂN HUY | Số 2, ngách 93/30 Vương Thừa Vũ, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 150.000 | 1.500.000.000 | 30,000 | 038088008160 |
|   |            |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |            |                                                                                                 | Tổng số                   | 150.000 | 1.500.000.000 | 30,000 |              |
|   |            |                                                                                                 |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN NGỌC LINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 31/03/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001081016739

Ngày cấp: 08/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: SN 45A ngõ 104 đường Nguyễn An Ninh, Q5 - Tổ 26, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: SN 45A ngõ 104 đường Nguyễn An Ninh, Q5 - Tổ 26, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội